

BỘ TESTCASES DÙNG CHUNG
(tài liệu Hướng dẫn Học viên Tester TOP viết testcases)

ID	Mục đích kiểm thử	Các bước thực hiện	Kết quả mong muốn
	Textbox hoặc text area		
	Kiểm tra là trường bắt buộc	1. Để trống trường dữ liệu 2. Các thông tin khác được nhập hợp lệ	1. Thông báo: "Dữ liệu chưa được nhập" 2. Set focus và highlight vào trường lỗi
	Kiểm tra là trường không bắt buộc	1. Để trống trường dữ liệu 2. Các thông tin khác được nhập hợp lệ	Thành công
	Kiểm tra nhập các ký tự đặc biệt	1. Nhập dữ liệu là ký tự đặc biệt @ # \$ % ^ * ~ \ , 2. Các thông tin khác được nhập hợp lệ	<u>THÊM MỚI:</u> 1. Thông báo: "Không cho phép nhập ký tự đặc biệt" 2. Set focus và highlight vào trường lỗi <u>TÌM KIẾM</u> Hiện thị kết quả tìm kiếm không thành công (không có kết quả tìm kiếm)
	Kiểm tra nhập quá maxlength (10 ký tự)	1. Nhập 11 ký tự 2. Các thông tin khác được nhập hợp lệ	Chặn trên bàn phím ko cho nhập quá giá trị maxlength hoặc 1. Thông báo: "Bạn chỉ được phép nhập 10 ký tự" 2. Set focus và highlight vào trường lỗi
	Kiểm tra nhập đúng maxlength (10 ký tự)	1. Nhập 10 ký tự 2. Các thông tin khác được nhập hợp lệ	Thành công

		1. Nhập dữ liệu chữ thường có trong DB 2. Ấn nút tìm kiếm	Hiện thị tiêu chí tìm kiếm
	Kiểm tra không phân biệt chữ hoa, chữ thường với TÌM KIẾM	1. Nhập dữ liệu chữ Hoa, trùng với chữ thường ở trên 2. Ấn nút tìm kiếm	Hiện thị tiêu chí tìm kiếm trùng với chữ thường
	Kiểm tra không phân biệt chữ hoa, chữ thường với LOGIN	1. Đăng nhập là chữ thường với username (login với tài khoản có trong DB) 3. Các thông tin khác được nhập hợp lệ 2. Ấn nút Đăng nhập	Đăng nhập thành công
		1. Đăng nhập là chữ Hoa với username trùng với chữ thường ở trên 2. Các thông tin khác được nhập hợp lệ 3. Ấn nút Đăng nhập	Đăng nhập thành công, ko phân biệt chữ hoa chữ thường
	Kiểm tra khi nhập dữ liệu là các thẻ html	1. Nhập X đúng định dạng có chứa ký tự đặc biệt, thẻ html: </table>.... 2. Các thông tin khác được nhập hợp lệ	1. Thông báo lỗi sai định dạng dữ liệu 2. Highlight & focus vào trường lỗi.
	Kiểm tra chức năng Trim space	1. Nhập dữ liệu hợp lệ và thêm space vào đầu và cuối 2. Các thông tin khác được nhập hợp lệ	1. Thực hiện thành công 2. Thực hiện trim space ở đầu và cuối trường dữ liệu

Kiểm tra khi nhập nhiều dòng trên text area	- Nhập dữ liệu trên nhiều dòng - Các thông tin khác được nhập hợp lệ	- Thực hiện thành công - Dữ liệu được hiển thị trên nhiều dòng như khi nhập
Textbox chỉ cho nhập Số		
Kiểm tra khi nhập dữ liệu lớn hơn giá trị max cho phép.	- Nhập dữ liệu lớn hơn giá trị max - Các thông tin khác được nhập hợp lệ Ví dụ: số dt 10 số thì nhập là 11 số	- Không cho phép nhập quá maxlength - Set focus và highlight vào trường lỗi
Kiểm tra khi dữ liệu nhỏ hơn giá trị min cho phép.	- Nhập dữ liệu nhỏ hơn giá trị min - Các thông tin khác được nhập hợp lệ Ví dụ: Mật khẩu tối thiểu là 6 ký tự thì nhập là 5	- Thông báo giá trị số nhỏ hơn giá trị min cho phép - Set focus và highlight vào trường lỗi
Kiểm tra khi dữ liệu = giá trị min cho phép.	- Nhập dữ liệu = giá trị min - Các thông tin khác được nhập hợp lệ Ví dụ: Mật khẩu tối thiểu là 6 ký tự thì nhập là 6	Thực hiện thành công
Kiểm tra khi dữ liệu = giá trị max cho phép.	- Nhập dữ liệu = giá trị max - Các thông tin khác được nhập hợp lệ Ví dụ: số dt 10 số thì nhập là 10 số	Thực hiện thành công
Kiểm tra khi dữ liệu là các ký tự chữ.	- Nhập dữ liệu là các ký tự, thẻ html, ký tự đặc biệt - Các thông tin khác được nhập hợp lệ	- Thông báo dữ liệu phải là số - Set focus và highlight vào trường lỗi Hoặc xử lý không cho phép nhập ký tự chữ vào trường số.
Kiểm tra khi dữ liệu là các ký tự chữ và số.	- Nhập dữ liệu là chữ và số - Các thông tin khác được nhập hợp lệ	- Thông báo dữ liệu phải là số - Set focus và highlight vào trường lỗi Hoặc xử lý không cho phép nhập ký tự chữ vào trường số.

	Kiểm tra khi nhập dữ liệu là số thập phân (tùy từng chức năng có cho phép hoặc không)	1. Nhập dữ liệu là số thập phân 2. Các thông tin khác được nhập hợp lệ	Nếu trường số có thể là số thập phân: - Thực hiện thành công Nếu trường số không là số thập phân: 1. Thông báo trường số ko là số thập phân 2. Set focus và highlight vào trường lỗi Hoặc xử lý không cho phép nhập số thập phân
	Nhập Dữ liệu là số âm(tùy từng chức năng có cho phép hoặc không)	1. Nhập dữ liệu là số âm 2. Các thông tin khác được nhập hợp lệ	Nếu trường số có thể là số âm: - Thực hiện thành công Nếu trường số không là số âm: 1. Thông báo trường số ko thể là số âm 2. Set focus vào trường lỗi hoặc xử lý không cho phép nhập dấu âm
	Test nhập toàn số 0	1. Nhập dữ liệu là toàn số 0 2. Các thông tin khác được nhập hợp lệ	1. Thông báo dữ liệu không được phép toàn là số 0 2. Set focus và highlight vào trường lỗi Hoặc xử lý không cho phép nhập ký tự chữ vào trường số.
	Kiểm tra chức năng Trim space	1. Nhập dữ liệu và thêm space vào đầu và cuối 2. Các thông tin khác được nhập hợp lệ	Nếu trường số cho phép nhập space: 1. Thực hiện thành công 2. Thực hiện trim space ở đầu và cuối trường dữ liệu
		1. Nhập dữ liệu và thêm space vào giữa 2. Các thông tin khác được nhập hợp lệ	1. Thông báo dữ liệu phải là số 2. Set focus và highlight vào trường lỗi
	Kiểm tra text - email		

	Kiểm tra khi trường email là bắt buộc nhập	Không nhập dữ liệu hoặc nhập toàn các space	1. Hiện thị thông báo trường email là bắt buộc. 2. Set focus và highlight vào trường lỗi.
	Kiểm tra khi trường email nhập trùng	Nhập vào trường email dữ liệu đã tồn tại	1. Hiện thị thông báo trường email là duy nhất. 2. Set focus và highlight vào trường lỗi.
	Kiểm tra khi trường email là duy nhất	Nhập vào 1 email chưa từng được đăng ký// hoặc không có trong DB	Thành công
	Kiểm tra nhập quá max length	Nhập quá max length	1. Hiện thị thông báo lỗi bạn đã nhập vượt quá độ dài ký tự cho phép 2. Set focus và highlight vào trường lỗi.
	Kiểm tra khi nhập khoảng trắng đầu và cuối	Nhập vào textbox giá trị email hợp lệ và thêm dấu trắng vào đầu và cuối	1. Ghi lại thành công 2. Dấu cách ở đầu và cuối được bỏ trước khi lưu vào database -> Nếu là đăng nhập bằng email thì cũng đăng nhập thành công (tự cắt khoảng trắng đầu và cuối)
	Kiểm tra định dạng email không hợp lệ	Nhập tên email là ký tự đặc	1. Thông báo địa chỉ email không hợp lệ 2. Set focus vào trường lỗi
		Nhập định dạng email ko có @	
		Nhập email ko có dấu chấm trước tên miền	
		Nhập email thiếu tên miền (.com, .vn...)	

Kiểm tra khi địa chỉ email hợp lệ	1. Nhập địa chỉ email hợp lệ: abc@gmail.com abc.cd@yahoo.com abc-cd@yahoo.com	Thành công
Trạng thái Droplist/ Combo box: loại này ko phải là nhập như textbox mà luôn luôn là chọn. Nó sẽ hiện thị data có sẵn từ DB cho người dùng chọn. Cách test như sau: Nếu droplist là các dữ liệu giống nhau thì chỉ cần test 1 hoặc 2 trường đại diện. Còn nếu data trong droplist có ý nghĩa khác nhau thì yêu cầu phải test hết các trường hợp.		
Kiểm tra giá trị của Trạng thái mặc định của droplist		Hiện thị mặc định là --Tất cả-- hoặc --Chọn--
Kiểm tra các giá trị hiện thị trong Droplist	Click on droplist và hiện thị	Hiện thị tất cả các giá trị tồn tại trong DB
Đây là 1 ví dụ về 1 droplist có 2 Trạng thái là Hoạt động và Không hoạt động		
Kiểm tra chọn Trạng thái = hoạt động	1. Chọn Trạng thái = Hoạt động 2. Nhập hợp lệ các trường còn lại	THÊM MỚI: Tạo 1 dữ liệu có trạng thái là hoạt động (ví dụ: nếu là tạo ra 1 tài khoản thì tài khoản này đăng nhập thành công sau khi được tạo ra)
Kiểm tra chọn Trạng thái = Không hoạt động	1. Chọn Trạng thái = Không Hoạt động 2. Nhập hợp lệ các trường còn lại	THÊM MỚI: Tạo 1 dữ liệu có trạng thái là ko hoạt động (ví dụ: nếu là tạo ra 1 tài khoản thì tài khoản này ko đăng nhập được)
Kiểm tra trường ngày tháng (lấy từ calendar)		

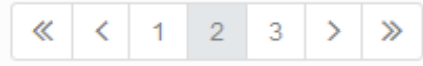
Kiểm tra focus trong hộp Calendar khi textbox đã có dữ liệu	Giả sử trường ngày tháng đã có giá trị (VD: 20/10/2018) 1. Click vào icon Calendar bên cạnh textbox. 2. Kiểm tra giá trị focus trong hộp Calendar	Ngày 20/10/2018 được focus
Kiểm tra hoạt động của hộp Calendar	1. Click vào icon Calendar bên cạnh textbox. 2. Lựa chọn 1 giá trị ngày tháng trong hộp Calendar	1. Hộp Calendar tự động đóng lại 2. Giá trị ngày tháng vừa chọn hiển thị trong textbox theo định dạng dd/mm/yyyy
Trường hợp ngày tháng là ngày hiện tại		
Kiểm tra khi giá trị ngày tháng là ngày hiện tại	Nhập vào textbox ngày tháng là ngày hiện tại	Tùy từng nghiệp vụ của 1 hệ thống để cho phép nhập hoặc không cho phép. Ví dụ: - Ngày đăng ký số Chứng minh thư thì ngày hiện tại thành công 1. Thành công - Ngày sinh của bạn trong khi đăng ký Thi đại học 1. Thông báo Ngày tháng không được phép là ngày hiện tại. 2. Set focus & highlight vào trường lỗi
Trường hợp ngày tháng là ngày quá khứ		
Kiểm tra khi giá trị ngày tháng là ngày quá khứ	Nhập vào textbox ngày tháng là ngày quá khứ	Tùy từng nghiệp vụ của 1 hệ thống để cho phép nhập hoặc không cho phép. Ví dụ: - Ngày đăng ký số Chứng minh thư thì ngày quá khứ là không thành công 1. Thông báo Ngày tháng không được phép là ngày quá khứ 2. Set focus & highlight vào trường lỗi - Ngày sinh của bạn trong khi đăng ký Thi đại học 1. Thành công

Trường hợp ngày tháng là ngày tương lai		
Kiểm tra khi giá trị ngày tháng là ngày tương lai	Nhập vào textbox ngày tháng là ngày tương lai	Tùy từng nghiệp vụ của 1 hệ thống để cho phép nhập hoặc không cho phép. Ví dụ: - Ngày đăng ký số Chứng minh thư thì ngày tương lai là không thành công 1. Thông báo Ngày tháng không được phép là ngày quá khứ 2. Set focus & highlight vào trường lỗi - Ngày đăng ký các môn học tín chỉ 1. Thành công
Kiểm tra mối quan hệ giữa trường Từ Ngày và Đến Ngày		
Test khi trường Từ ngày lớn hơn trường Đến ngày	Nhập giá trị cho trường Từ ngày lớn hơn trường Đến ngày	1. Thông báo "Giá trị Từ ngày phải nhỏ hơn hoặc bằng giá trị Đến ngày." 2. Set focus và highlight vào textbox Từ ngày.
Kiểm tra trường Từ ngày bằng trường Đến ngày	Nhập giá trị cho trường Từ ngày bằng trường Đến ngày	Thành công
Kiểm tra trường Từ ngày nhỏ hơn trường Đến ngày	Nhập giá trị cho trường Từ ngày nhỏ hơn trường Đến ngày	Thành công
Kiểm tra trường ngày tháng có thể tự nhập		
Kiểm tra trường ngày tháng là bắt buộc nhập	Không chọn giá trị nào cho trường ngày tháng	1. Thông báo trường ngày tháng là bắt buộc. 2. Set focus & highlight vào trường lỗi.

Kiểm tra khi trường ngày tháng không đúng định dạng.	Nhập giá trị ngày tháng không đúng định dạng : Kiểm tra với các định dạng sau: '- Định dạng MM/DD/YYYY -YYYY/DD/MM - sdfasdfsdf - DD/MM	1. Trường ngày tháng phải theo định dạng dd/mm/yyyy. 2. Set focus & highlight vào trường lỗi.
Kiểm tra khi trường ngày tháng có định dạng DD/MM/YYYY nhưng không hợp lệ.	- Nhập DD = 31 hoặc 01 - Nhập MM = 13 hoặc 0	1. Hệ thống tự reset về tháng hợp lệ là 12 hoặc ngày hợp lệ là 31 hoặc 28
Kiểm tra khi trường ngày tháng có định dạng DD/MM/YYYY hợp lệ.	Nhập đúng định dạng: dd/mm/yyyy	Ngày tháng hiển thị theo định dạng dd/mm/yyyy
Mật khẩu		
Kiểm tra nhập các ký tự hợp lệ	Nhập các ký tự cho trường Mật khẩu	Cho phép nhập và lưu thành công
Kiểm tra mã hóa trường pass word	Tại trường Mật khẩu thực hiện nhập các ký tự	Thực hiện mã hóa thông tin nhập thành các dấu *****
Kiểm tra nhập các trường số	Tại trường Mật khẩu thực hiện nhập thông tin là kiểu số	Cho phép nhập
Kiểm tra nhập các ký tự đặc biệt	Nhập kí tự đặc biệt vào trường mật khẩu	Cho phép nhập
Kiểm tra nhập các khoảng trắng	Nhập khoảng trắng vào trường mật khẩu	Cho phép nhập

Kiểm tra nhập mật khẩu nhỏ hơn tối thiểu (ví dụ là tối thiểu là 6 ký tự)	Nhập mật khẩu nhỏ hơn mức tối thiểu (ví dụ là 5)	Hiện thị Thông báo ' Mật khẩu tối thiểu phải 6 ký tự' Highlight & focus vào textbox
Kiểm tra nhập mật khẩu là tối thiểu (ví dụ là tối thiểu là 6 ký tự)	Nhập mật khẩu =6	Thành công
<i>Nếu là Mật khẩu mạnh: ví dụ là 8 ký tự bao gồm chữ hoa, thường, số, ký tự đặc biệt</i>		
Kiểm tra nhập mật khẩu hợp lệ	1. Nhập mật khẩu = 8 ký tự, bao gồm chữ, số, chữ hoa, ký tự đặc biệt 2. Nhập hợp lệ các thông tin còn lại	- Thành công
Kiểm tra nhập mật khẩu là 7 ký tự	1. Nhập mật khẩu = 7 ký tự, bao gồm chữ, số, chữ hoa, ký tự đặc biệt 2. Nhập hợp lệ các thông tin còn lại	- Hệ thống hiện thị Thông báo ' Mật khẩu phải tối thiểu 8 ký tự, bao gồm chữ, số, chữ hoa, ký tự đặc biệt' - Highlight & focus vào textbox Mật khẩu
Kiểm tra nhập mật khẩu là thiếu số	1. Nhập mật khẩu = 8 ký tự, chữ, chữ hoa, ký tự đặc biệt 2. Nhập hợp lệ các thông tin còn lại	- Hệ thống hiện thị Thông báo ' Mật khẩu phải tối thiểu 8 ký tự, bao gồm chữ, số, chữ hoa, ký tự đặc biệt' - Highlight & focus vào textbox Mật khẩu
Kiểm tra nhập mật khẩu là thiếu chữ	1. Nhập mật khẩu = 8 ký tự, bao gồm số, chữ hoa, ký tự đặc biệt 2. Nhập hợp lệ các thông tin còn lại	- Hệ thống hiện thị Thông báo ' Mật khẩu phải tối thiểu 8 ký tự, bao gồm chữ, số, chữ hoa, ký tự đặc biệt' - Highlight & focus vào textbox Mật khẩu
Kiểm tra nhập mật khẩu là thiếu chữ hoa	1. Nhập mật khẩu = 8 ký tự, bao gồm chữ, số, ký tự đặc biệt 2. Nhập hợp lệ các thông tin còn lại	- Hệ thống hiện thị Thông báo ' Mật khẩu phải tối thiểu 8 ký tự, bao gồm chữ, số, chữ hoa, ký tự đặc biệt' - Highlight & focus vào textbox Mật khẩu

Kiểm tra nhập mật khẩu là thiếu ký tự đặc biệt	1. Nhập mật khẩu = 8 ký tự, bao gồm chữ, số, chữ hoa 2. Nhập hợp lệ các thông tin còn lại	- Hệ thống hiện thị Thông báo ' Mật khẩu phải tối thiểu 8 ký tự, bao gồm chữ, số, chữ hoa, ký tự đặc biệt' - Highlight & focus vào textbox Mật khẩu
Số điện thoại textbox		
Kiểm tra nhập ký tự chữ	Nhập ký tự chữ	Hệ thống không cho phép nhập hoặc thông báo chỉ cho phép nhập số
Kiểm tra nhập toàn số 0	Nhập toàn số 0	- Hệ thống hiện thị Thông báo ' Số điện thoại không đúng định dạng' - Highlight & focus vào textbox Số dt
Kiểm tra nhập 10 số nhưng ko phải định dạng số dt	Nhập 10 số	- Hệ thống hiện thị Thông báo ' Số điện thoại không đúng định dạng' - Highlight & focus vào textbox Số dt
Kiểm tra nhập 10 số đúng định dạng số dt	Nhập 10 số, đúng số của các nhà mạng	Thành công
Kiểm tra nhập định dạng 84	Nhập đúng định dạng số dt và có 84 ở đầu	Thành công
Kiểm tra nhập định dạng +84	Nhập đúng định dạng số dt và có +84 ở đầu	Thành công
Kiểm tra nhập max length	Nhập quá max length	Hệ thống giới hạn luôn số ký tự hoặc thông báo bạn nhập quá max length
Phân trang (ví dụ 1 trang = 10 bản ghi)		
Test hiện thị 9 bản ghi	Nhập/ Đẩy dữ liệu đủ 9 bản ghi	Ko hiện thị phân trang hoặc Disable phân trang
Test hiện thị 10 bản ghi	Nhập/ Đẩy dữ liệu đủ 10 bản ghi	Hiện thị phân Trang: 1 trang + Hiện thị số << < 1 > >> + Disable icon << < > >>

	Test hiện thị 11 bản ghi	Nhập/ Đẩy dữ liệu đủ 11 bản ghi	Hiện thị phân Trang: là 2 trang + Hiện thị số << < 1 > >> + Disable icon << < + Eable > >>
	Test icon Trang tiếp > (next page)	Đang là trang 1 1. Nhập/ Đẩy dữ liệu đủ 11 bản ghi 2. Click vào icon > (next page)	- Hiện thị nội dung của page 2 - Disable icon > >> - Enable icon << <
	Test icon Trang trước < (previous page)	1. Nhập/ Đẩy dữ liệu đủ 11 bản ghi 2. Click vào icon < (previous page)	- Hiện thị nội dung của page 1 - Disable icon << < - Enable icon > >>
		1. Nhập/ Đẩy dữ liệu đủ 21 bản ghi (tạo 3 page) 2. Click vào icon < (previous page) từ trang 1	- Hiện thị nội dung của page 3 - Enable icon << < > >>
		Tổng số 10 bản ghi / trang 	
	Test icon Trang cuối >>	1. Nhập/ Đẩy dữ liệu đủ 21 bản ghi (tạo 3 page) 2. Click vào icon >>	- Hiện thị nội dung của page cuối - Disable icon > >> - Enable icon << <
	Test icon Trang cuối <<	1. Nhập/ Đẩy dữ liệu đủ 21 bản ghi (tạo 3 page) 2. Click vào icon <<	- Hiện thị nội dung của page đầu tiên - Enable icon > >> - Disable icon << <
	Test hiện thị tool tip	Move chuột qua các icon	Tool tip hiện thị: <<: Trang đầu <: Trang trước >: Trang tiếp >>: Trang cuối

	Xóa		
	Kiểm tra hiển thị confirm trước khi xóa	1. Chọn 1 bản ghi 2. Chọn button Xóa	Hiển thị confirm xác nhận: Bạn có chắc chắn muốn xóa bản ghi? - Chọn 'OK' nếu đồng ý xóa - Chọn 'Cancel' nếu trì hoãn việc xóa
	Kiểm tra hiển thị thông báo Ấn xóa khi không chọn bản ghi nào	1. Trên màn hình chưa chọn bản ghi nào để xóa 2. Ấn button Xóa	Hiển thị thông báo: Bạn chưa chọn bản ghi nào để xóa
	Test Đăng ký (Register) hoặc Thêm mới (Add new)		
	Test đăng ký hay thêm mới luôn phải có 1 trường là Duy nhất thì mới đăng ký/ thêm mới Thành công được Còn nếu là chức năng Sửa (Update/ Edit) thì không cho phép sửa trường Duy nhất (disable textbox)		
	Kiểm tra thêm mới Mã SV thành công	1. Nhập Mã SV là Duy nhất 2. Nhập các trường khác hợp lệ 3. Click on button Đăng ký	Đăng ký Mã Sinh viên thành công
	Kiểm tra Mã SV bị trùng	1. Nhập Mã SV đã tồn tại trong DB 2. Nhập các trường khác hợp lệ 3. Click on button Đăng ký	- Hệ thống hiển thị thông báo ' Mã Sinh viên phải Duy nhất' - Highlight và focus vào textbox ID Sinh viên
	Test Tìm kiếm (Search)		
	Test Tìm kiếm khi các tiêu chí bắt buộc		
	Kiểm tra khi tìm kiếm Thành công	Nhập đầy đủ các tiêu chí tìm kiếm bắt buộc + là cùng cặp trong CSDL	Hiển thị kết quả theo đúng tiêu chí Tìm kiếm
	Kiểm tra khi tìm kiếm không Thành công	Nhập đầy đủ các tiêu chí tìm kiếm bắt buộc + ko là cùng cặp trong CSDL	- Hệ thống hiển thị thông báo 'Không tìm thấy kết quả'

		Nhập đầy đủ các tiêu chí tìm kiếm bắt buộc + ko có trong CSDL	- Hệ thống hiện thị thông báo 'Không tìm thấy kết quả'
	Kiểm tra nhập Ký tự đặc biệt cho textbox Tìm kiếm	Nhập ký tự đặc biệt cho textbox để tìm kiếm	- Hệ thống hiện thị thông báo 'Không tìm thấy kết quả'
	Kiểm tra khi nhập khoảng trắng đầu và cuối	Nhập đầy đủ các tiêu chí tìm kiếm bắt buộc + là cùng cặp trong CSDL + có khoảng trắng đầu và cuối và tiêu chí tìm kiếm	- Trim space khoảng trắng đầu và cuối - Hiện thị kết quả theo đúng tiêu chí Tìm kiếm
	Kiểm tra khi để trống	Để trống các trường bắt buộc nhập	- Hệ thống hiện thị thông báo Các trường bắt buộc nhập - Highlight các vào textbox bắt buộc nhập
Test Tìm kiếm khi các tiêu chí không bắt buộc: phải chia thành từng cặp dữ liệu và các cặp phải là trùng nhau trong CSDL thì mới tìm kiếm thành công (áp dụng Kỹ thuật test Bảng quyết định cho Tìm kiếm) Ví dụ: Có 3 tiêu chí tìm kiếm và đều ko phải là các trường bắt buộc			
Tìm kiếm Đơn lẻ: nhập/ chọn 1 tiêu chí tìm kiếm đơn lẻ 1, ví dụ 3 tiêu chí sẽ là 3 trường hợp đơn			
	Kiểm tra Tìm kiếm Thành công	- Nhập 1 dữ liệu tồn tại trong DB cho textbox 1 - Các trường còn lại để trống - Chọn button ' Tìm kiếm'	Tìm kiếm hiện thị kết quả đúng với tiêu chí tìm kiếm
		- Nhập 1 dữ liệu tồn tại trong DB cho textbox 2 - Các trường còn lại để trống - Chọn button ' Tìm kiếm'	Tìm kiếm hiện thị kết quả đúng với tiêu chí tìm kiếm
		- Nhập 1 dữ liệu tồn tại trong DB cho textbox 3	Tìm kiếm hiện thị kết quả đúng với tiêu chí tìm kiếm

		- Các trường còn lại để trống - Chọn button ' Tìm kiếm'	
	Kiểm tra Tìm kiếm Không Thành công	- Nhập 1 dữ liệu ko tồn tại trong DB cho textbox 1 - Các trường còn lại để trống - Chọn button ' Tìm kiếm'	Hệ thống hiện thị Thông báo ' Không có dữ liệu'
		- Nhập 1 dữ liệu ko tồn tại trong DB cho textbox 2 - Các trường còn lại để trống - Chọn button ' Tìm kiếm'	Hệ thống hiện thị Thông báo ' Không có dữ liệu'
		- Nhập 1 dữ liệu ko tồn tại trong DB cho textbox 3 - Các trường còn lại để trống - Chọn button ' Tìm kiếm'	Hệ thống hiện thị Thông báo ' Không có dữ liệu'
	Tìm kiếm theo tiêu chí cặp 2		
	Kiểm tra tìm kiếm với tiêu chí 1 + 2 thành công	- Nhập tiêu chí 1 + 2 là 1 cặp dữ liệu tồn tại trong CSDL	Tìm kiếm hiện thị kết quả đúng với tiêu chí tìm kiếm
	Kiểm tra tìm kiếm với tiêu chí 1 + 2 ko thành công	- Nhập tiêu chí 1 + 2 ko cùng cặp dữ liệu tồn tại trong CSDL	Hiện thị Thông báo ' Không có kết quả phù hợp với tiêu chí tìm kiếm'
		- Nhập tiêu chí 1 + 2 ko tồn tại trong CSDL	Hiện thị Thông báo ' Không có kết quả phù hợp với tiêu chí tìm kiếm'
	Kiểm tra tìm kiếm với tiêu chí 1 + 3 thành công	- Nhập tiêu chí 1 + 3 là 1 cặp dữ liệu tồn tại trong CSDL	Tìm kiếm hiện thị kết quả đúng với tiêu chí tìm kiếm
	Kiểm tra tìm kiếm với tiêu chí 1 + 3 ko thành công	- Nhập tiêu chí 1 + 3 ko cùng cặp dữ liệu tồn tại trong CSDL	Hiện thị Thông báo ' Không có kết quả phù hợp với tiêu chí tìm kiếm'

	Tiếp tục chia cặp đôi viết tiếp...		
Tìm kiếm theo tiêu chí cặp 3			
	Kiểm tra tìm kiếm với tiêu chí 1 + 2 +3 thành công	- Nhập tiêu chí 1 + 2 + 3 là 1 cặp dữ liệu tồn tại trong CSDL	Tìm kiếm hiện thị kết quả đúng với tiêu chí tìm kiếm
	Kiểm tra tìm kiếm với tiêu chí 1 + 2 +3 ko thành công	- Nhập tiêu chí 1 + 2 + 3 ko là 1 cặp dữ liệu tồn tại trong CSDL	Hiện thị Thông báo ' Không có kết quả phù hợp với tiêu chí tìm kiếm'
Test Phân quyền			
	Test tạo nhóm quyền thành công	- Nhập 1 tên nhóm quyền chưa có trong CSDL - Chọn các chức năng gán cho Nhóm quyền vừa tạo Ví dụ: Tạo ra 1 nhóm tên Admin: gán 5 chức năng cho phép sử dụng ở nhóm quyền này	- Tạo thành công nhóm - Các chức năng được chọn thì hiện thị trong nhóm quyền
		Gán 1 ng dùng vào nhóm quyền vừa tạo	Đăng nhập với tài khoản ng dùng thuộc nhóm để kiểm tra sử dụng được đúng các quyền trong nhóm vừa tạo ví dụ: Sử dụng được đúng 5 chức năng của Nhóm quyền Admin này
	Test Tên nhóm là bị trùng	- Nhập 1 tên nhóm quyền đã có trong CSDL	Hệ thống thông báo "Tên nhóm quyền đã tồn tại! Mời bạn chọn 1 tên khác"
	Test người dùng với quyền Admin	Đăng nhập với tài khoản Admin	- Hiện thị đúng các chức năng mà cho phép quyền Admin sử dụng - Sử dụng các quyền được phép dùng xem có thao tác được ko
	Test người dùng với quyền Member	Đăng nhập với tài khoản Member	- Hiện thị đúng các chức năng mà cho phép quyền Member sử dụng

			- Sử dụng các quyền được phép dùng xem có thao tác được ko
	Test Upload file hay Attach file/ Browse file		
	Test upload file ko đúng định dạng	Chọn file ko đúng định dạng để upload	Hệ thống thông báo file upload ko hợp lệ
	Test upload file đúng định dạng nhưng quá dung lượng (ví dụ >10 MB)	Chọn file đúng định dạng = 11 MB để upload	Hệ thống thông báo 'Bạn không được upload file quá > 10 MB'
	Test xóa file vừa upload	1. Chọn 1 file hợp lệ và upload thành công 2. Click vào icon Xóa bên cạnh tên file để xóa	Thực hiện xóa file vừa upload xong
	Test upload nhiều file	1. Thực hiện upload file thứ nhất 2. Thực hiện upload file thứ hai 2. Thực hiện upload file thứ ba	- Upload nhiều file thành công - Các file hiện thị theo đúng thứ tự đã upload và có icon Xóa bên cạnh. Ng dùng có thể xóa bất kỳ file nào trong số các file họ đã upload
	Test upload file thành công	1. Thực hiện upload file đúng định dạng 2. Chọn button Save	Mở lại file vừa upload Thành công Hoặc file upload hiện thị luôn ra chính xác